

Bản án số: **41** /2022/HNGĐ - ST
Ngày: 19-9-2022
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S, TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Lệ Thủy

Ông Nguyễn Kim Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thái Phương Dung – Thư ký Tòa án của TAND quận S, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Vân Anh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 121/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2022 về Tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2022/QĐXX-ST ngày 22 tháng 8 năm 2022, quyết định hoãn phiên tòa số 104 ngày 08/9/2022 giữa:

Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Kim D**; sinh năm: 1982; Trú tại: 20 M, tổ 10 phường T, quận S, Đà Nẵng. có mặt

Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn N**; sinh năm: 1977; Trú tại: K91/26 L, tổ 89 phường T, quận S, Đà Nẵng. có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/7/2022, bản tự khai ngày 28/7/2022 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Lê Thị Kim D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà kết hôn với ông Nguyễn Văn N vào năm 2011 hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường M, quận S thành phố Đà Nẵng. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại tổ 89 phường T, quận S, Đà Nẵng. Hai bên chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, ông N thường tụ tập bạn bè, ham mê bài bạc, không lo tu chí làm ăn, tập trung kinh tế cho gia đình mặc dù bà đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng ông N vẫn chứng nào tật nấy nên thường xuyên xảy ra cãi vã, bà D từng bỏ nhà đi nhiều lần nhưng vì ông N hứa thay đổi và xin tha thứ nên bà quay về chung sống. Hiện tại cả hai sống ly thân từ đầu năm 2022 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay về tình cảm bà D xác định không còn yêu thương ông N nữa, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông N.

- **Về con chung:** bà D xác định không có

- **Về tài sản chung:** hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Bà D xác định không có.

Bị đơn ông Nguyễn Văn N trình bày: Ông thống nhất về thời gian và điều kiện kết hôn như trình bày của bà D. Trong quá trình chung sống hai bên phát sinh mâu thuẫn, do bản thân ông vẫn còn ham vui tụ tập bạn bè đề bài bạc, bà D có khuyên nhủ nhưng ông chưa sửa đổi được. Hai bên sống ly thân từ đầu năm 2022 đến nay. Hiện tại ông N xác định vẫn còn yêu thương bà D, ông hứa sẽ tu chí làm ăn, từ bỏ bài bạc để vợ chồng về đoàn tụ gia đình.

Về con chung: Ông N xác định không có

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Ông N xác định không có

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S phát biểu về sự tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự. Theo đó: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng pháp luật từ khâu thụ lý, hòa giải, thu thập chứng cứ và mở phiên tòa xét xử. Nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật tố tụng. Riêng bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc không tuân thủ quy định của pháp luật.

Về nội dung: đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình

Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim D về việc ly hôn với ông Nguyễn Văn N

Về con chung: Ông N, bà D xác định không có nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận nên không đề cập giải quyết. Sau này các đương sự có tranh chấp, khởi kiện tại Tòa án thì sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

Về nợ chung: hai bên xác định không có nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp ly hôn giữa nguyên đơn bà Lê Thị Kim D với bị đơn ông Nguyễn Văn N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[1] Bà Lê Thị Kim D kết hôn với ông Nguyễn Văn N xây dựng gia đình với nhau vào năm 2011, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, quận S, Tp Đà Nẵng theo giấy chứng nhận kết hôn số 118 ngày 23/11/2012. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[2] Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, ông N thường xuyên tụ tập bạn bè, ham mê bài bạc, không tu chí làm ăn nên cả hai thường xuyên xảy ra cãi vã. Hai bên sống ly thân từ đầu năm 2022 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay bà D xác định không còn yêu thương ông N nữa nên xin được ly hôn. Còn bị đơn ông N xác định còn yêu thương bà D nên xin đoàn tụ gia đình.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà D thì thấy: Hạnh phúc gia đình chỉ thật sự có được dựa trên sự yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau thế nhưng bà D, ông N lại không làm được điều này. Từ khi kết hôn năm 2011 đến nay hai bên chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Khi mâu thuẫn xảy ra ông bà đều không có giải pháp gì để hàn gắn và xây dựng lại gia đình, hiện đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2022 đến nay. Đối với ông N có nguyện vọng xin đoàn tụ gia đình nhưng không đưa ra được giải pháp gì để hàn gắn hạnh phúc và tại phiên tòa bà D vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Mặt khác qua xác minh tại nơi cư trú cũng xác định do ông N ham mê bài bạc nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Vì vậy HĐXX có đủ cơ sở nhận định mâu thuẫn vợ chồng bà D, ông N đã trở nên trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho bà D được ly hôn ông N là hoàn toàn phù hợp với điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: bà D, ông N xác định không có nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau này các đương sự có tranh chấp, khởi kiện tại Tòa án thì sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[6] Về nợ chung: bà D, ông N xác định không có nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Đối với ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát nhân dân quận S, TP Đà Nẵng thấy phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

[8] Về án phí: Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đồng bà D phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của bà Lê Thị Kim D đối với ông Nguyễn Văn N

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lê Thị Kim D được ly hôn với ông Nguyễn Văn N *(Do chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Kim D đối với ông Nguyễn Văn N nên giấy chứng nhận kết hôn số 118 quyển số 01 do UBND phường M, quận S, TP Đà Nẵng cấp ngày 23/11/2012 không còn giá trị pháp lý)*

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: không đề cập giải quyết.

3. Về án phí: Án phí HNGĐ sơ thẩm: 300.000 đồng bà Lê Thị Kim D phải chịu được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà D đã nộp theo biên lai thu số 0006334 ngày 27 tháng 7 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận S, TP. Đà Nẵng.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các điều 6,7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hành án dân sự.

Nơi nhận :

- VKSND quận S;
- Chi cục THADS quận S;
- UBND phường M, quận S, ĐN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hạnh

Nơi nhận :

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND quận S;
- Chi cục THADS quận S;
- UBND phường M, quận S, ĐN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hạnh

